TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/3/2022
V/v: *"Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Phi Công
2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Xuân Lộc**:** không tham gia.

Ngày 31/3/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 529/2021/TLST–HNGĐ ngày 15/11/2021 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-DS ngày 15/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Khâu Sau A - Sinh năm 1965

Địa chỉ: 450, khu 3, ấp HB, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Sú Thủ B - Sinh năm 1967

Địa chỉ: 450, khu 3, ấp HB, xã Bảo Hòa, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

(Bà A, ông B đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2021 và bản tự khai, nguyên đơn bà Khâu Sau A trình bày:

Vào năm 1983 bà và ông B tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lập, huyện Xuân Lộc (nay là phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh). Đây là hôn nhân lần đầu của cả hai. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc, từ khi cưới đến nay ông B không quan tâm chăm sóc gia đình, một mình bà phải lao động, kiếm thu nhập nuôi cả gia đình. Ông B làm ra tiền nhưng không phụ giúp cho bà, để tiền tiêu xài riêng và còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Thời gian đầu bà còn đi đánh ghen nhưng nhiều lần đâm ra nhàm chán, bà không quan tâm đến nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn.

Vợ chồng có với nhau 06 người con chung: Sú Nhì M - sinh năm 1986, Sú Bắc D - sinh năm 1988, Sú Kim H - sinh năm 1989, Sú Chính P - sinh năm 1991, Sú Thị Ngọc L - sinh năm 1994, Sú Chính T - sinh năm 1996. Các con chung đều trên 18 tuổi, có công ăn việc làm ổn định nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có.

* Bị đơn ông Sú Thủ B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến.

Tuy nhiên, bà Lê Thị Mỹ L1 có bản tự khai xác định bà là em dâu của ông Sú Thủ B. Bà sống gần nhà bà A, ông B. Cuộc sống chung giữa bà A và ông B không hạnh phúc. Bà A một mình gồng gánh nuôi con. Ông B không phụ giúp, để tiền riêng và quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ khác. Bà A có ý kiến thì bị ông B đánh đập. Hai người đã không còn quan tâm đến nhau đã lâu, mạnh ai người đó sống. Con chung giữa ông B, bà A đều trưởng thành. Tài sản chung, nợ chung giữa hai người thì bà không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Khâu Sau A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Sú Thủ B. Ông Bảo hiện đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại xã Bảo Hòa. Như vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà A là nguyên đơn, ông B là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà A có đơn xin xét xử vắng mặt, ông B được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 BLTTDS để tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông B là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà A, ông B tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lập, huyện Xuân Lộc (nay là UBND phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh), tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Bà A cho rằng hôn nhân giữa hai người không được hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng nên xin ly hôn. Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ, biết được việc bà A làm đơn xin ly hôn ông nhưng không chịu trình bày ý kiến. Theo bản tự khai của bà Lê Thị Mỹ L1 thì mâu thuẫn giữa ông B, bà A là có thật và đã đến mức trầm trọng, khó có thể hàn gắn. Ông B không hợp tác với bà A để giải quyết quan hệ hôn nhân mà để mặc, chứng tỏ ông cũng không có ý định hàn gắn để níu kéo hôn nhân với bà A. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà A được ly hôn với ông B.

[5] Về con chung: theo các tài liệu do bà A cung cấp thì 06 người con chung giữa bà và ông B đều trên 18 tuổi. Bà A xác định các con đều có việc làm ổn định nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: theo bà A là không có, ông B không chịu trình bày ý kiến và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[7] Về án phí: Bà A phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật TTDS;

Căn cứ điều 56 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho bà Khâu Sau A được ly hôn với ông Sú Thủ B.

2. Về con chung: đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: theo bà A là không có, ông B không trình bày ý kiến và cũng không có ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà A nộp 300.000 đồng án phí LHST. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà A đã nộp tại biên lai số 0005871 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai thành án phí. Bà A đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Xuân Lộc;
- Chi cụcTHADS H.Xuân Lộc;
- UBND phường Xuân Lập, tp.Long Khánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tùng